TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân H

2. Ông Trương Hữu B

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh B - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-DS ngày 14/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 70/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thanh N, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Khu phố S, phường T, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường T, Thành phố H.

- Người làm chứng: Ông Lang Văn B, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh T; Tạm trú tại: Khu phố B, phường T, Thành phố H.

Nguyên đơn bà Bùi Thanh N có mặt.

Bị đơn ông Vũ Văn H vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lang Văn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2025, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn (bà Bùi Thanh N) trình bày:

Hiện nay bà Bùi Thanh N đang sinh sống tại khu phố S, phường T, Thành phố H và đang làm công nhân cho Công ty Loto Mỹ Phẩm Nhật Bản ở Khu công nghiệp 3 tháng 2, địa chỉ phường T, Thành phố H. Ông Vũ Văn H là bạn của chồng tên Đồng Minh T, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố C, phường T, Thành phố H (hiện nay đã ly hôn) nên bà N mới quen biết ông H.

Ngày 01/12/2024, ông H có vay của bà Ngọc số tiền 15.000.000 đồng với mục đích sử dụng cá nhân của ông H thể hiện tại chứng cứ "Giấy xác nhận nợ" do chính tay ông H xác lập. Ông H cam kết thời gian thanh toán số tiền trên vào ngày 31/12/2024. Bà N giao số tiền cho ông H vay bằng tiền mặt có sự chứng kiến của ông Lang Văn B sau khi lập xong chứng cứ "Giấy xác nhận nợ" ngày 01/12/2024. Văn bản này được lập tại nhà nhà trọ của ông H ở xã A và văn bản này được lập thành 01 bản chính, giao cho nguyên đơn cất giữ. Sau đó, các bên đã đọc lại nội dung, cùng ký tên và có sự xác nhận của người làm chứng là ông Lang Văn B. Đến thời hạn thanh toán ngày 31/12/2024 phía ông H không trả nợ số tiền vay 15.000.000 đồng như đã cam kết. Lúc đầu, bà N có điện thoại và gặp mặt để yêu cầu ông H thanh toán số tiền này nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Sau đó, ông H đã thay đổi số điện thoại và chuyển phòng trọ đi nơi khác nên bà N có tìm kiếm nhưng không gặp.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn H phải thanh toán số tiền vay 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (ông Vũ Văn H) thể hiện:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành các thủ tục tố tụng niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Vũ Văn H biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Vũ Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2025, người làm chứng (ông Lang Văn B) trình bày:

Hiện nay ông Lang Văn B đang sinh sống tạm trú tại khu phố B, phường T, Thành phố H từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay và đang làm công nhân cho Công ty.

Ông Lang Văn B có quan hệ có tình cảm yêu nhau đối với bà Bùi Thanh N. Ông B không biết ông Vũ Văn H là ai chỉ biết ông H là người có vay số tiền 15.000.000 đồng của bà Ngọc.

Ngày 01/12/2024, ông H có vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng với mục đích sử dụng cá nhân của ông H thể hiện tại chứng cứ "Giấy xác nhận nợ" do chính tay ông H xác lập. Ông H cam kết thời gian thanh toán số tiền trên vào ngày 31/12/2024. Lý do ông B chứng kiến nội dung và ký tên vào chứng cứ này

là chở bà N đến gặp ông H và làm theo yêu cầu của bà N. Bà N giao số tiền cho ông H vay bằng tiền mặt có sự chứng kiến của ông Lang Văn B sau khi lập xong chứng cứ "Giấy xác nhận nợ" ngày 01/12/2024. Văn bản này được lập tại nhà nhà trọ của ông H ở xã A và lập thành 01 bản chính, cùng ký tên và có sự xác nhận của người làm chứng là ông Lang Văn B, giao cho nguyên đơn cất giữ. Đến thời hạn thanh toán ngày 31/12/2024, ông B chỉ nghe bà N nói cho ông B biết nội dung ông H không thanh toán số tiền vay 15.000.000 đồng như đã cam kết. Lúc đầu, ông B có chở bà N bằng xe mô tô xuống phòng trọ của ông H để yêu cầu trả nợ nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Sau đó, ông H đã thay đổi số điện thoại và chuyển phòng trọ đi nơi khác nên ông B và bà N có tìm kiếm nhưng không gặp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy:

Ngày 17/01/2025, nguyên đơn bà Bùi Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn H trả cho bà Ngọc số tiền 15.000.000 đồng. Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Nguyên đơn bà N trình bày: Ngày 01/01/2023, bà N cho ông H vay 15.000.000 đồng, hai bên không làm hợp đồng, không thỏa thuận lãi suất do ông H vay lâu ngày không trả nên ngày 01/12/2024, bà N yêu cầu ông H viết giấy xác nhận nợ và ông H hẹn đến ngày 31/12/2024 trả. Đến nay, ông H không trả nên bà N khởi kiện. Bị đơn ông H: Trong thời gian giải quyết vụ án, ông H có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết theo quy định nhưng không đến Tòa theo giấy triệu tập, ông Hiếu không có ý kiến. Ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Người làm chứng ông Lang Văn B: Ông B xác nhận biết việc ông H vay tiền của bà N. Từ chứng cứ là giấy xác nhận nợ do bà N cung cấp và lời trình bày của người làm chứng, có căn cứ cho rằng ông H vay của bà N 15.000.000 đồng. Ông H chưa thanh toán tiền cho bà N nên yêu cầu của bà N là có căn cứ. Vì vậy căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Bùi Thanh N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vũ Văn H thanh toán số tiền vay 15.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện bị đơn ông Vũ Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B (nay là khu phố B, phường T, Thành phố H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Văn H theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 01/12/2024, ông Vũ Văn H có vay của bà Bùi Thanh N số tiền 15.000.000 đồng với mục đích sử dụng cá nhân của ông H thể hiện tại chứng cứ "Giấy xác nhận nợ" do ông H xác lập và cam kết thời gian thanh toán số tiền trên vào ngày 31/12/2024. Bà Ngọc giao số tiền cho ông H vay bằng tiền mặt có sự chứng kiến của ông Lang Văn B. Văn bản này được lập thành 01 bản chính tại nhà nhà trọ của ông H ở xã A, sau đó các bên đã đọc lại nội dung, cùng ký tên và có sự xác nhận của người làm chứng ông Lang Văn B.

Đến thời hạn trả nợ ngày 31/12/2024, phía ông Vũ Văn H không trả nợ số tiền vay 15.000.000 đồng như đã cam kết. Lúc đầu, bà N có điện thoại và gặp mặt để yêu cầu ông H thanh toán số tiền này nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Sau đó, ông H đã thay đổi số điện thoại và chuyển phòng trọ đi nơi ở khác nên bà N có tìm kiếm nhưng không gặp. Lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thanh N hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ được Tòa án thu thập và lời trình bày của người làm chứng ông Lang Văn B. Như vậy, có căn cứ xác định ông Vũ Văn H có vay của bà Bùi Thanh N số tiền 15.000.000 đồng là hoàn toàn có thật nhưng đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền này.

Đối với bị đơn ông Vũ Văn H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến gì để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài, liệu chứng xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đến thời hạn trả nợ, phía ông Vũ Văn H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Vũ Văn H phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thanh N đối với ông Vũ Văn H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Vũ Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thanh N số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Bùi Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Vũ Văn H chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Văn H phải nộp số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Bùi Thanh N số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 000003560883 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/9/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân N